

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

Số/ No.: 20250917/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2025

Ho Chi Minh City, September 17, 2025

ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam

/To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:* FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ:
Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/
Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 16/09/2025
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	5,700	7.90%
2	AGR	100	0.10%
3	APG	200	0.12%
4	BIC	200	0.29%
5	BID	400	0.89%
6	BMI	100	0.11%
7	BSI	100	0.26%
8	BVH	300	0.93%
9	CTG	1,100	2.98%
10	CTS	100	0.21%
11	DSE	200	0.31%
12	EIB	2,000	2.89%
13	EVF	1,000	0.71%
14	FTS	200	0.40%
15	HCM	400	0.58%
16	HDB	3,500	5.74%
17	LPB	3,800	8.88%
18	MBB	5,400	7.61%
19	MIG	100	0.09%
20	MSB	2,900	2.09%
21	NAB	1,800	1.45%
22	OCB	1,000	0.69%
23	ORS	400	0.32%
24	SHB	4,300	4.02%
25	SSB	2,100	2.19%
26	SSI	1,800	3.99%
27	STB	2,400	7.05%
28	TCB	5,200	10.64%
29	TCI	100	0.06%
30	TPB	1,900	1.97%
31	TVS	100	0.11%
32	VCB	1,200	4.14%
33	VCI	600	1.42%
34	VDS	100	0.12%
35	VIB	2,700	3.04%
36	VIX	2,000	3.93%
37	VND	1,500	1.94%
38	VPB	5,800	9.60%
Tiền/ Cash (VND)		4,047,946	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value:* (VND)

1,901,580,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF:* (VND)

1,905,627,946

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value:* (VND)

4,047,946

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component
Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ In case stock can be replaced by cash:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	26,400	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BIC	27,350	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BID	42,200	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	BSI	49,800	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
5	BVH	59,300	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
6	VCB	65,800	VCBS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	VCI	45,150	VCSC	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	VIB	21,450	MAS,KIS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC

- Các chỉ tiêu khác/ Other criteria:

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	16/09/2025	15/09/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued			-
2. Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	17,400,000	17,400,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	19,350.00	19,000.00	350
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	331,579,262,754	328,358,855,422	3,220,407,332
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	1,905,627,946	1,887,119,858	18,508,088
của 1 CCQ/ per Share	19,056.27	18,871.19	185.08
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	3,280.08	3,266.95	13.13

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại
(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

15/09/2025
14/09/2025

/ Item 5 is net asset value at 15/09/2025
/ Item 5 is net asset value at 14/09/2025

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company



Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC